

决定

关于减少2023年土地租金

根据2015年6月19日《政府组织法》；2019年11月22日修改和补充《政府组织法》和《地方政府组织法》若干条款的法律；

根据2013年11月29日《土地法》；

根据2019年6月13日《税务管理法》；

根据政府2014年5月15日关于土地租金和水面租金征收的第46/2014/ND-CP号议定；

根据政府2016年9月9日修改和补充各份规范土地使用金、土地租金、水面租金征收的议定若干条款的第135/2016/ND-CP号议定；

根据政府2017年11月14日修改和补充各份规范土地使用金、土地租金、水面租金征收的议定若干条款的第123/2017/ND-CP号议定；

根据政府2017年4月3日规范经济区、高新区内土地使用金、土地租金、水面租金征收的第35/2017/ND-CP号议定；

根据政府2020年10月19日规范《税务管理法》若干条款细则的第126/2020/ND-CP号议定；

根据政府2023年7月15日关于化解生产经营困难、继续推进行政程序改革和严格纪律、纲纪的任务、方案的第105/NQ-CP号决议；

应财政部部长的提议；

政府总理发布关于减少2023年土地租金的决定。

第一条：调整范围

本决定规范减少第二条规定的对象的2023年土地租金。

第二条：适用对象

1. 正依政府有权机关的决定书或合约书或土地使用权及地上物所有权证书以每年每付地租的形式直接租赁政府的土地的组织、单位、企业、家庭户、个人（以下简称土地承租人）。

本规定一律适用于不具备减免土地租金资格的承租人、土地租金减免期限届满的承租人以及正依土地法规（《土地法》和土地法细则规范文件）及其他相关法规享受土地租金减免的承租人。

2. 处理土地租金减免申请的主管机关；其他有关机关、组织、个人。

第三条：土地租金减免额

1. 对本决定第二条规定的承租人减少 30% 2023 年应缴的土地租金（产生的收入）；2023 年之前年份的未缴土地租金和滞纳金利息（如有）不予减少。

2. 本条第 1 款所规定的土地租金减免额，是按照法律规定应缴 2023 年的土地租金（产生的收入）金额计算。土地承租人正依规定享受减少土地租金或/和根据土地租金法规扣除补偿费和清理场地的，所减少的 30% 土地租金按减少后应缴土地租金金额（如有）计算或/和依法扣除（政府总理日期 2023/01/31 编号 01/2023/QD-TTg 决定可减少的土地租金除外）。

第四条：减免土地租金的申请文件

1. 土地承租人依本决定随附附录的表格提出的 2023 年土地租金减免申请书。

土地承租人对其所填报的土地租金减免资讯的真实性、准确性承担法律责任，确保权利主体按照本决定的规定获得土地租金减免。

2. 政府有权机关的土地出租决定书或土地租约或土地使用权及地上物所有权证书（影本）。

第五条：减免土地租金的程序和手续

1. 土地承租人自本决定生效之日起至 2024 年 3 月 31 日止，（透过以下方式之一：直接、电子、邮寄）向管理土地租金征收的税务机关、经济区管理委员会、高新区管理委员会及税务管理法规定的其他机构提交 01 套土地租金减免申请文件。土地承租人在 2024 年 3 月 31 日后提交申请文件的，不适用本决定规定的土地租金减免政策。

2. 根据土地承租人依本条第 1 款的规定提出的土地租金减免申请文件，主管机关应自收到本决定第 4 条规定的完整有效文件之日起 30 日内，予以确定可减少土地租金的数额，并依土地租金征收法规和税务管理法出具土地租金减免的决定。

3. 土地承租人获得主管机关依据本决定的规定决定减少土地租金，但后续政府管理机关经稽查、检查发现土地承租人不符合本决定规定可减免土地租金的，则土地承租人应依税务管理法向国家预算偿还获得减少的土地租金及其滞纳金利息。

4. 土地承租人已缴纳 2023 年土地租金，经主管机关核定并决定减少土地租金后，如有超额的土地租金，则多缴的金额依据税务管理法和其他相关法规从下一期或下一年度的

土地租金中扣除；如不存在下一个土地租金缴纳期的，则依税务管理法规和其他相关法规进行冲减或予以退还多缴的土地租金。

第六条：落实和执行效果

1. 本决定自 2023 年 11 月 20 日起生效。
2. 财政部负责指导、组织实施和处理本决定实施过程中的问题。
3. 部长、部级机关负责人、政府机关负责人、省和中央直辖市人民委员会主席组织稽查、检查，对违法行为（如有）依法及时给予严肃处理。
4. 省、中央直辖市人民委员会负责指导地方职能机关依本决定的规定抓紧落实减免土地租金的工作。

各部长、部级机关负责人、政府机关负责人、省和中央直辖市人民委员会主席以及相关企业、组织、家庭户、个人负责执行本决定。

收件处：

- 政府总理和各副总理；
- 各部、部级机构、政府直属机构；
- 各省和中央直辖市的人民议会和人民委员会；
- 中央办公厅和党各部门；
- 秘书长办公厅；
- 国家主席办公厅；
- 民族议会和国会各委员会；
- 国会办公厅；
- 最高人民法院；
- 最高人民检察院；
- 国家审计；
- 国家金融监管委员会；
- 社会政策银行；
- 越南开发银行；
- 越南祖国阵线中央委员会；
- 各团体的中央机构；

代总理签

副总理

(已签名盖章)

黎明慨

- 政府办公厅：主任部长、各副部长、总理助理、
电子资讯网站总经理、各务、各局、各直属单
位；

- 存档：文管，NN。

~ 恒利翻译，谨供参考 ~



EVERWIN
SERVICE GROUP
恒利服務集團

23 Ni Su Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
热 线: +84 933 341 688 微 信: everwinservice LINE: everwin888

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25/2023/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC GIẢM TIỀN THUÊ ĐẤT CỦA NĂM 2023

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, siết chặt kỷ luật, kỷ cương;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc giảm tiền thuê đất của năm 2023.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc giảm tiền thuê đất của năm 2023 đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Quyết định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định hoặc Hợp đồng hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức thuê đất trả tiền hàng năm (sau đây gọi là người thuê đất).

Quy định này áp dụng cho cả trường hợp người thuê đất không thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê đất, hết thời hạn được miễn, giảm tiền thuê đất và trường hợp người thuê đất đang được giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai (Luật Đất đai và các văn bản quy định chi tiết Luật Đất đai) và pháp luật khác có liên quan.

2. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết hồ sơ giảm tiền thuê đất; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Mức giảm tiền thuê đất

1. Giảm 30% tiền thuê đất phải nộp (phát sinh thu) của năm 2023 đối với người thuê đất quy định tại Điều 2 Quyết định này; không thực hiện giảm trên số tiền thuê đất còn nợ của các năm trước năm 2023 và tiền chậm nộp (nếu có).

2. Mức giảm tiền thuê đất quy định tại khoản 1 Điều này được tính trên số tiền thuê đất phải nộp (phát sinh thu) của năm 2023 theo quy định của pháp luật. Trường hợp người thuê đất đang được giảm tiền thuê đất theo quy định hoặc/và khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật về tiền thuê đất thì mức giảm 30% tiền thuê đất được tính trên số tiền thuê đất phải nộp (nếu có) sau khi đã được giảm hoặc/và khấu trừ theo quy định của pháp luật (trừ số tiền thuê đất được giảm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ).

Điều 4. Hồ sơ giảm tiền thuê đất

1. Giấy đề nghị giảm tiền thuê đất năm 2023 của người thuê đất theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Người thuê đất chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của thông tin và đề nghị giảm tiền thuê đất của mình, đảm bảo đúng đối tượng được giảm tiền thuê đất theo quy định tại Quyết định này.

2. Quyết định cho thuê đất hoặc Hợp đồng thuê đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản sao).

Điều 5. Trình tự, thủ tục giảm tiền thuê đất

1. Người thuê đất nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị giảm tiền thuê đất (bằng một trong các phương thức: Trực tiếp, điện tử, bưu chính) cho cơ quan thuế quản lý thu tiền thuê đất, Ban Quản lý Khu kinh tế, Ban Quản lý Khu công nghệ cao, cơ quan khác theo quy định của pháp luật về quản lý thuế kể từ thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2024. Không áp dụng giảm tiền thuê đất theo quy định tại Quyết định này đối với trường hợp người thuê đất nộp hồ sơ sau ngày 31 tháng 3 năm 2024.

2. Căn cứ hồ sơ giảm tiền thuê đất do người thuê đất nộp theo quy định khoản 1 Điều này; không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 4 Quyết định này, cơ quan có thẩm quyền xác định số tiền thuê đất được giảm và ban hành Quyết định giảm tiền thuê đất theo quy định tại pháp luật về thu tiền thuê đất và pháp luật về quản lý thuế.

3. Trường hợp người thuê đất đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định giảm tiền thuê đất theo quy định của Quyết định này nhưng sau đó cơ quan quản lý nhà nước phát hiện qua thanh tra, kiểm tra việc người thuê đất không thuộc trường hợp được giảm tiền thuê đất theo quy định tại Quyết định này thì người thuê đất phải hoàn trả ngân sách nhà nước số tiền thuê đất đã được giảm và tiền chậm nộp tính trên số tiền được giảm theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

4. Trường hợp người thuê đất đã nộp tiền thuê đất của năm 2023 mà sau khi cơ quan có thẩm quyền xác định và quyết định giảm tiền thuê đất có phát sinh thừa tiền thuê đất thì được trừ số tiền đã nộp thừa vào tiền thuê đất của kỳ sau hoặc năm tiếp theo theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật khác có liên quan; trường hợp không còn kỳ phải nộp tiền thuê đất tiếp theo thì thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả số tiền nộp thừa theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật khác có liên quan.

Điều 6. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 11 năm 2023.

2. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai và xử lý vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Quyết định này.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý kịp thời nghiêm minh các hành vi vi phạm theo đúng quy định của pháp luật (nếu có).

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương khẩn trương triển khai thực hiện việc giảm tiền thuê đất theo quy định tại Quyết định này.

5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: Văn thư, NN.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Lê Minh Khái